

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH MỎ TRẠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH MỎ TRẠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400975565

**3. Ngày thành lập:** 11/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Bản Chàm, Xã Tam Tiến, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0975243668

Fax:

Email: [nuocsachmotrang@gmail.com](mailto:nuocsachmotrang@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                     | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, rác thải.                                                                                       | 4329                                                         |
| 2.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn nước tinh khiết đóng chai, đóng bình.                                                                                                  | 4633                                                         |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, rác thải.                                            | 4663                                                         |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vật tư, hóa chất ngành nước.                                                                          | 4669                                                         |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, rác thải.                                                           | 7110                                                         |
| 6.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước tinh khiết đóng chai, đóng bình.                                                                      | 4723                                                         |
| 7.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: Sản xuất nước sạch, nước tinh khiết.                                                                                     | 1104(Chính)                                                  |
| 8.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                     | 2750                                                         |
| 9.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                    | 2813                                                         |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                              | 4932                                                         |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 12. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị ngành nước.                                                                                               | 3290                                                         |
| 13. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá<br>Chi tiết: Sản xuất, phân phối nước sinh hoạt.                                              | 3530                                                         |
| 14. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                             | 3600                                                         |
| 15. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                 | 3700                                                         |
| 16. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                | 3811                                                         |
| 17. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                      | 3821                                                         |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, rác thải. | 4752                                                         |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vật tư, hóa chất ngành nước.                                                                     | 4773                                                         |
| 20. | (Doanh nghiệp không hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 12/10/2023 đến ngày 11/11/2023

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VƯƠNG ĐÌNH<br>TUYÊN | Thôn An Giới, Xã<br>An Sơn, Huyện<br>Nam Sách, Tỉnh<br>Hải Dương, Việt<br>Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 50,000       | 0300790282<br>36                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | HÀ QUỐC<br>KHÁNH    | Thôn Hấn, Xã<br>Hương Gián,<br>Huyện Yên Dũng,<br>Tỉnh Bắc Giang,<br>Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000       | 5.000.000.000            | 25,000       | 0240830184<br>92                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 500.000       | 5.000.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |             |                                                                                     |                           |         |               |        |              |
|---|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | VŨ NHẬT HUY | Tổ Vĩnh Ninh 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500.000 | 5.000.000.000 | 25,000 | 024083017387 |
|   |             |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                     | Tổng số                   | 500.000 | 5.000.000.000 | 25,000 |              |
|   |             |                                                                                     |                           |         |               |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VƯƠNG ĐÌNH TUYẾN
Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/05/1979
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030079028236

Ngày cấp: 17/09/2021
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn An Giới, Xã An Sơn, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn An Giới, Xã An Sơn, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang